

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-PT

Ngày: 31 - 3 - 2021

Về việc “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Thuận Tùng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Hồng Sơn

Ông Khuru Đề Dành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 235/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 155/2020/DS-ST, ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 246/2020/QĐ-PT ngày 02/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Nhật **Tr**, sinh năm 1980 (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ 13, ấp Hòa Phú III, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh AG.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn **Nh**, sinh năm 1948 (vắng mặt);

2.2 Bà Hồ Thị Út **E**, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp Vĩnh Thọ, xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Út **E** và ông Nguyễn Văn **Nh** là ông Phạm Thái **B**, sinh năm 1971. (Văn bản ủy quyền ngày 29/10/2020 và văn bản ngày 26/11/2020) (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Long Hòa IV, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh AG.

Người kháng cáo: Bà Hồ Thị Út **E** là bị đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Nhật **Tr** trình bày:*

Do chỗ quen biết nên ngày 27/3/2014, ông có cho ông Nguyễn Văn **Nh** và bà Hồ Thị Út **E** vay số tiền 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) để đáo nợ ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, thời hạn vay 10 ngày, khi vay ông **Nh**, bà **E** có lập biên nhận ngày 27-3-2014, có ông **Nh**, bà **E** ký tên xác nhận nợ. Việc vay tiền tại nhà ông, chỉ có 3 người, không có người chứng kiến. Đến ngày 27-4-2014, ông **Nh**, bà **E** trả lại vốn vay là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) tại nhà ông, chỉ có 3 người, không có người chứng kiến, không lập biên nhận trả tiền. Tiền lãi đã trả đủ. Ông **Nh**, bà **E** còn nợ lại ông vốn vay là 110.000.000đ; ông **Nh**, bà **E** hẹn trả nhưng không thực hiện.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét buộc ông Nguyễn Văn **Nh** và bà Hồ Thị Út **E** có nghĩa vụ trả lại ông một lần số tiền đã vay là 110.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 27-4-2014, cho đến ngày xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, qua phân tích của Hội đồng xét xử, ông rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn **Nh** và bà Hồ Thị Út **E** có nghĩa vụ trả lại ông một lần số tiền đã vay là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

*Bị đơn bà Hồ Thị Út **E** trình bày:* Bà không thống nhất lời trình bày của ông Trần Nhật **Tr**.

Vào ngày 27-3-2014, bà và ông Nguyễn Văn **Nh** hỏi vay của ông **Tr** số tiền 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) để trả nợ ngân hàng Mỹ Hòa, lãi suất thỏa thuận 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, thời hạn vay 10 ngày, khi vay ông **Nh** và bà viết biên nhận ngày 27-3-2014, có ông **Nh** và bà ký tên xác nhận nợ. Việc vay tiền tại nhà ông **Tr**, chỉ có 3 người, không có người chứng kiến. Đến ngày 27- 4 - 2014, ông **Nh** và bà đã trả lại toàn bộ vốn vay là 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) tại nhà ông **Tr**, lúc trả có mặt bà Tiền là người mua đất của bà và có mặt ông Khánh nhưng đôi bên không viết biên nhận trả tiền. Tiền lãi đã trả đủ là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), sau vài ngày trả thêm 5.000.000đ (năm triệu đồng), lúc trả lãi có mặt con gái bà tên Nguyễn Thị Tuyết Lợi chứng kiến, tổng cộng tiền lãi bà đã trả là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng), không có chứng cứ chứng minh. Đối với tiền đã đóng lãi bà không tranh chấp.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Trần Nhật **Tr**, bà xác nhận có vay của ông **Tr** 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) nhưng đã trả đủ. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông **Tr**.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2020/ DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành:*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Nhật **Tr**.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn **Nh**, bà Hồ Thị Út **E** phải trả một lần cho nguyên đơn ông Trần Nhật **Tr** số tiền còn nợ là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2020, bị đơn bà Hồ Thị Út **E** kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên.

### **Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Nguyên đơn phát biểu tranh luận: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi vợ chồng ông **Nh**, bà Út **E** số tiền còn nợ lại là 110.000.000 đồng. Ông **Tr** xác định cho bà **E** vay 260.000.000 đồng, (lãi ngày 1.300.000 đồng, chưa lấy bất cứ tiền lãi nào của bà Út **E**). Sau khi vay khoảng 5 đến 10 ngày bà **E** có trả 150.000.000 đồng (không nhớ trả lãi của bao nhiêu ngày, do bà **E** đi một mình đem lại trả tại nhà ông **Tr**, lúc đó chỉ có ông **Tr** và bà **E** mà thôi). Từ đó đến nay bà **E** chưa trả thêm gì cho nguyên đơn nữa.

Nguyên đơn xác định hoàn toàn không hề có chuyện giao nhận tiền bạc giữa ba người là ông **Tr**, Tiên (là em ruột) và bà **E** tại nhà ông. Cũng không biết việc ông Khánh cho bà **E** mượn tiền bạc gì tại nhà ông (**Tr**) cả.

Đại diện bị đơn phát biểu tranh luận: Bà Út **E** có hỏi nợ ông **Tr** nên nhờ ông **Tr** giới thiệu bán đất cho bà Tiên (là em ruột của **Tr**) với giá 53.000.000 đồng/công, nhân với 8,1 công thành tiền (làm tròn) là 430.000.000 đồng. Khoảng 11 giờ ngày 27 tháng 4 năm 2014, sau khi làm các thủ tục chuyển nhượng và công chứng, bà **E** cùng con gái đến nhà ông **Tr** để giao nhận tiền. (Lúc giao tiền có mặt cả thấy 5 người là bà; con của bà tên Lợi, sinh năm 1984 hiện sống chung với bà; ông **Tr**; ông Khánh làm Công an huyện và bà Tiên là em ruột **Tr**). Bà Tiên giao tiền mua đất của bà thẳng ngang qua cho ông **Tr** tại nhà của **Tr** số tiền bà nợ 260.000.000 đồng và tiền lãi 27 ngày. Như vậy bị đơn không còn nợ nguyên đơn gì nữa.

Ngoài ra, đại diện bị đơn trình bày: Số tiền bị đơn hỏi vay của ông **Tr** theo biên nhận nợ là 260.000.000 đồng, lãi suất mỗi ngày là 5.000 đồng/1.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Do không khả năng thanh toán nên nhờ ông **Tr** tìm người bán hơn 8.000 m<sup>2</sup> đất ruộng trả nợ vay. Người nhận chuyển nhượng là em ruột của ông **Tr** (tên Tiên) đã trả toàn bộ số nợ của bà Út Em cho ông **Tr**. Bản thân bà Út Em mặc dù đã bán hết tài sản nhưng sau khi trả nợ vay và tiền lãi thì không còn khoản tiền nào mang về nhà. Khi thanh toán cho ông **Tr**, bà Út Em có yêu cầu ông **Tr** giao lại tờ biên nhận nhưng phía người cho vay không thành ý giao ngay mà hứa hẹn tạo niềm tin cho bà Út **E** rằng mọi giao dịch đã xong, do đó bị đơn sơ suất không yêu cầu ông **Tr** viết giấy xóa nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Sau khi xem xét đơn kháng cáo của bị đơn cũng như các chứng cứ thu thập trong quá trình phúc thẩm nhận thấy: nguyên đơn khởi kiện ngoài giấy biên nhận nợ có chữ ký của vợ chồng bị đơn (từ hơn 6 năm trước) cung cấp cho Tòa án, thì lời khai và các chứng cứ của nguyên đơn đều không phù hợp với tài liệu chứng cứ khác do Tòa án thu thập có trong hồ sơ. Xét lời khai bị đơn đã trả đủ vốn, lãi cho nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ khác như bị đơn trả ngay tiền vốn lẫn tiền lãi cho nguyên đơn bằng nguồn tiền bán 8,1 công đất ruộng cho bà Tiền (em ruột ông **Tr**), điều này hoàn toàn phù hợp với xác nhận của bà Tiền (đồng thời là người nhận chuyển nhượng đất của bị đơn) rằng bị đơn đã trả đủ vốn lãi cho nguyên đơn tại nhà của nguyên đơn, thể hiện qua tờ tường trình của bà Trần Kim Tiền (Phương) ngày 03/11/2020 được chính quyền địa phương thị thực. Ngoài ra, việc bà Út **E** trả nợ cho ông **Tr** còn có sự chứng kiến của ông Khánh thể hiện qua Biên bản xác minh ngày 28/01/2021 do Tòa án nhân dân tỉnh An Giang ghi nhận là phù hợp với các chứng cứ khách quan khác. Trong khi đó, ông **Tr** hoàn toàn phủ nhận các chứng cứ tuy gián tiếp nhưng có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS 2015 sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo luật định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Hồ Thị Út **E** là bị đơn nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp nên HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng vay mục đích bị đơn trả tiền cho ngân hàng, (sau đó bị đơn tiếp tục thế chấp tài sản vay để trả lại cho nguyên đơn, còn gọi là vay đáo hạn) có hiệu lực trong 1 tháng, bắt đầu từ ngày 27/3/2014, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 260.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, đôi bên có viết biên nhận hẹn trả đủ sau 01 tháng. Nguyên đơn cho rằng bị đơn trả chưa đủ vốn, lãi theo thỏa thuận nên ngày 18/5/2020 ông Trần Nhật **Tr** khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn **Nh** và bà Hồ Thị Út **E** trả tiếp số tiền còn thiếu 110.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nhận thấy, trong **Tr** hợp này thời hiệu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 đã hết, lẽ ra cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng theo quy định tại Điều 429 BLDS 2015. Nếu thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng thì phải thể hiện yêu cầu của bị đơn việc xem xét về thời hiệu. Hoặc nếu nguyên đơn kiện yêu cầu đòi tài sản thì cấp sơ thẩm thụ lý tranh chấp theo thủ tục

chung. Án sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp, lẽ ra cấp phúc thẩm phải hủy án sơ thẩm để nguyên đơn khởi kiện đúng quan hệ tranh chấp là đòi tài sản. Tuy nhiên, do bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đồng thời xét thấy án sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ duy nhất là biên nhận nguyên đơn còn giữ, buộc bị đơn thanh toán là không hợp lẽ, nên cấp phúc thẩm cần thiết giữ lại vụ án nhằm xử lý triệt để tranh chấp.

[4] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, chứng cứ xác định:

[4.1] Khi đến hạn 01 tháng, do không có tiền trả nên bị đơn nhờ tìm người để chuyển nhượng tài sản trước đó bà thế chấp đảm bảo hợp đồng vay tín dụng. Bị đơn xác định đã dùng tiền nhận chuyển nhượng trả cho nguyên đơn vì ông **Tr** và người nhận chuyển nhượng tài sản là anh em ruột nhưng do bị đơn tin tưởng đã thanh toán xong nợ nên không yêu cầu nguyên đơn trả lại biên nhận hoặc viết giấy đã nhận nợ. Bị đơn xác định lúc trả tiền cho ông **Tr** là tại nhà của ông **Tr** (vào ngày 27/4/2014), tiền có từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Tiền. Chính bà Tiền cầm số tiền (lẽ ra giao cho bà Út **E**) trả cho ông **Tr** cả vốn và lãi, còn thiếu lại 5.000.000 đồng, vài hôm sau bà Út **E** cùng con gái mang đến trả nốt cho ông **Tr**.

[4.2] Ngày 03/11/2020 bà Trần Kim Tiền (Phương) có văn bản xác nhận chính bà trực tiếp dùng số tiền của bà Út **E** chuyển nhượng quyền sử dụng đất để trả cho ông **Tr** vốn lãi đầy đủ.

[4.3] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 01/3/2021 khi HĐXX hỏi về mối quan hệ giữa ông Trần Nhật **Tr** và bà Trần Kim Tiền có phải anh em ruột thì ông **Tr** khẳng định không hề biết. Tại phiên tòa hôm nay thì ông **Tr** cho rằng giữa ông và em gái (bà Tiền) có mâu thuẫn nên không muốn nhắc tên.

[4.4] Ngoài ra, Biên bản xác minh người làm chứng ngày 28/01/2021, tại Văn phòng Công an huyện Châu Thành, ông Trần Quốc Khánh (công tác ngành công an) xác định (mặc dù không nhớ cụ thể thời gian) nhưng có chứng kiến việc bà Út **E** chuyển nhượng đất cho bà Phương (tên gọi khác của bà Tiền) tại nhà của ông **Tr**. Đồng thời ông Khánh cũng xác định bà Út **E** đã trả cho ông 100.000.000 đồng từ nguồn tiền chuyển nhượng đất cho bà Tiền.

[4.5] Như vậy, chứng cứ thể hiện việc bị đơn trả tiền cho nguyên đơn còn có bà Tiền và ông Khánh chứng kiến. Nguyên đơn phủ nhận tất cả chứng cứ do bị đơn cung cấp cũng như chứng cứ Tòa án thu thập, ngoài tờ biên nhận ra thì nguyên đơn không còn căn cứ nào khác để chứng minh yêu cầu khởi kiện.

Xét thấy, có nhiều căn cứ chứng minh bị đơn đã trả xong nợ cho nguyên đơn kể từ ngày 27/4/2014. Ông Trần Nhật **Tr** vẫn còn giữ biên nhận để hơn 6 năm sau tiếp tục dùng biên nhận này khởi kiện bị đơn là không thể chấp nhận.

[5] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí.

Ông Trần Nhật **Tr** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 2 điều 148 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị Út **E**.

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 184; Các Điều 227, 228, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Các Điều 429 và khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Nhật **Tr** đòi bị đơn ông Nguyễn Văn **Nh**, bà Hồ Thị Út **E** phải trả số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng)

[2] Về án phí:

Ông Trần Nhật **Tr** phải chịu 5.500.000đ (năm triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006970 ngày 08-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Ông **Tr** phải nộp tiếp 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Văn **Nh**, bà Hồ Thị Út **E** không phải chịu án phí, được nhận lại 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007153 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- TAND.H.Châu Thành
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Thuận Tùng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**





